

Bản án số: 176/2021/HS-PT

Ngày: 06-12-2021

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bình  
Bà Phạm Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 179/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị A do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh Tây N.

*Bị cáo có kháng cáo:* Trần Thị A, sinh năm 1963, tại Campuchia; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp T H, xã T L, huyện T B, tỉnh Tây N; nơi cư trú: ấp Cầu, xã T Phong, huyện T B, tỉnh Tây N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Bùi Thị Đ (chết); có cH1 Trần Khắc S (chết) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02-6-2021 đến ngày 05-6-2021; bị cáo tại ngoại có mặt.

*- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Phạm Thu H1, Phan Thành T1, Trần Thị T2, Lê Thị V và Nguyễn Văn V L.

*- Người bào chữa cho bị cáo:* ông Phan Văn Vĩnh – Luật sư của Văn phòng luật sư Phan Vĩnh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây N, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như Su:

Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 02-6-2021, Phạm Thu H1, Phan Thành T1, Trần Thị T2, Lê Thị V và Nguyễn Văn V L đến nhà của Trần Thị A tại ấp Cầu, xã T Phong, huyện T B để đánh bạc (bài cào) ăn thua bằng tiền, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, làm cái xoay vòng. Trần Thị A mua 06 bộ bài tây với giá 42.000

đồng để tại nhà, người nào làm cái muốn đổi bài mới thì phải trả cho bị cáo A 20.000 đồng/bộ bài. Trong quá trình đánh bạc đã đổi 02 bộ bài mới nhưng bị cáo A chưa nhận tiền, đến 15 giờ cùng ngày bị Công an bắt quả tang. Tổng số tiền dùng đánh bạc là 38.600.000 đồng (trong đó thu giữ tại chiếu bạc là 12.450.000 đồng, thu giữ trong người của các bị cáo số tiền dùng đánh bạc 26.150.000 đồng).

Ngoài ra các bị cáo Trần Thị A, Phạm Thu H1, Phan Thành T1, Trần Thị T2, Lê Thị V và Nguyễn Văn V L còn thừa nhận trước đó từ ngày 30-5-2021 đến ngày 01-6-2021 các bị cáo đến nhà bị cáo A đánh bạc, số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc từng ngày cụ thể như sau:

- Ngày 30-5-2021 Phạm Thu H1 15.000.000 đồng, Trần Thị T2 2.500.000 đồng, Phan Thành T1 2.600.000 đồng, Trần Thị A không nhớ số tiền bao nhiêu.

- Ngày 31-5-2021 Phạm Thu H1 14.100.000 đồng, Trần Thị T2 2.700.000 đồng, Phan Thành T1 3.200.000 đồng, Lê Thị V 500.000 đồng, Trần Thị A không nhớ số tiền bao nhiêu.

- Ngày 01-6-2021 Phạm Thu H1 13.500.000 đồng, Trần Thị T2 3.740.000 đồng, Phan Thành T1 2.000.000 đồng, Lê Thị V 500.000 đồng, Trần Thị A 400.000 đồng, Nguyễn Văn V L 500.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị A cho các bị cáo khác sử dụng nhà thuộc quyền quản lý của mình để đánh bạc từ ngày 30-5-2021 đến ngày 02-6-2021 hưởng lợi tiền bán bài tây là 130.000 đồng.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2021/HS-ST ngày 24-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh Tây N đã xử:*

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị A 09 (chín) tháng tù về tội “Gá bạc” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02-6-2021 đến ngày 05-6-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị A 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thu H1 01 năm cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thu H1 số tiền 20.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thành T1 số tiền 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị T2 số tiền 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị V số tiền 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V L (Tùng) số tiền 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021 bị cáo Trần Thị A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo đối với tội Gá bạc.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: bị cáo phạm hai tội Gá bạc và Đánh bạc; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội Gá bạc là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày, bị cáo đã ăn năn hối cải; A, chị ruột của bị cáo là người có công với cách mạng; bản thân bị cáo bệnh tim mức độ 3. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không trA luận.

Lời nói Su cùng của bị cáo: xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như Su:

[1] Về tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm là hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị A làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Về tội dA: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị A thừa nhận, khoảng 13 giờ 40 phút ngày 02-6-2021, bị cáo A cùng với các bị cáo Phạm Thu H1, Phan Thành T1, Trần Thị T2, Lê Thị V, Nguyễn Văn V L đánh bạc (bài cào) ăn thua bằng tiền tại nhà bị cáo A, đến 15 giờ cùng ngày bị Công an bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 38.600.000 đồng (Trong đó thu giữ tại chiều bạc là 12.450.000 đồng, thu giữ trong người của các bị cáo số tiền dùng đánh bạc 26.150.000 đồng). Ngoài ra các bị cáo A, H1, T1, T2, V và L còn thừa nhận trước đó từ ngày 30-5-2021 đến ngày 01-6-2021 các bị cáo đến nhà bị cáo A đánh bạc, số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc từng ngày cụ thể như Su:

- Ngày 30-5-2021, Phạm Thu H1 15.000.000 đồng, Trần Thị T2 2.500.000 đồng, Phan Thành T1 2.600.000 đồng, Trần Thị A không nhớ số tiền bao nhiêu.

- Ngày 31-5-2021, Phạm Thu H1 14.100.000 đồng, Trần Thị T2 2.700.000 đồng, Phan Thành T1 3.200.000 đồng, Lê Thị V 500.000 đồng, Trần Thị A không nhớ số tiền bao nhiêu.

- Ngày 01-6-2021, Phạm Thu H1 13.500.000 đồng, Trần Thị T2 3.740.000 đồng, Phan Thành T1 2.000.000 đồng, Lê Thị V 500.000 đồng, Trần Thị A 400.000 đồng, Nguyễn Văn V L 500.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Trần Thị A đã sử dụng nhà thuộc quyền quản lý của mình để cho những người khác đánh bạc nhiều lần, số tiền dùng để đánh bạc trong cùng một lần trị giá trên 20.000.000 đồng, hưởng lợi tiền bán bài tây là 130.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện T B kết luận bị cáo Trần Thị A phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một trong những nguyên nhân gây ra các tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[3.3] Về hình phạt: bị cáo phạm tội nhiều lần; bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội, nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, không nặng. Người bào chữa cho bị cáo và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị A.
3. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 98/2021/HS-ST ngày 24-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện T B, tỉnh Tây N.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị A 09 (chín) tháng tù về tội “Gá bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02-6-2021 đến ngày 05-6-2021.

4. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- TANDCC tại TP HCM;
- VKSNDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tây N;
- CQTHA hình sự huyện T B;
- CQĐT Công an huyện T B;
- TAND huyện T B;
- Chi cục THADS huyện T B;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây N;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**

